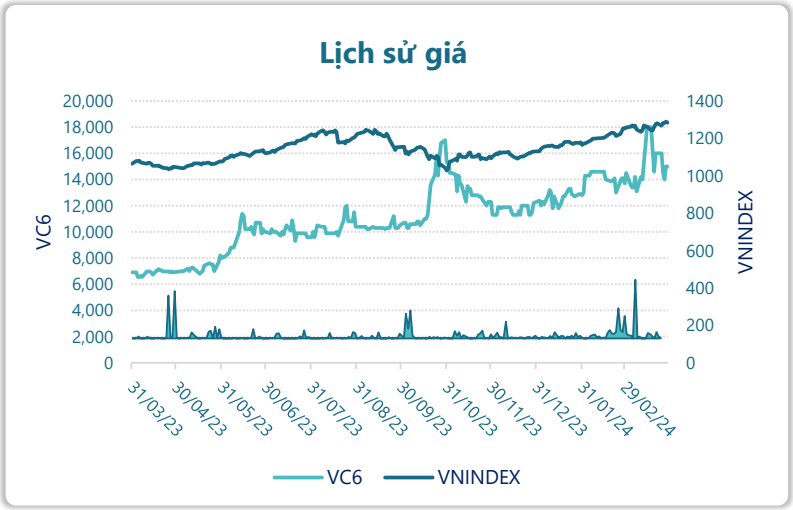
FireAnt

CTCP Xây dựng và Đầu tư Visicons (HNX: VC6)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,551
SL cổ phiếu LH	8,799,882
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,385
% sở hữu nước ngoài	11.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	132
P/E	6.6
EPS	2,266

DT thuần

Q1/24

367

tỷ VNĐ

QoQ: ▼53.0| -12.7%

YoY: ▲ 232| 171%

LN sau thuế

Q1/24

4.47

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.36| -54.5%

YoY: ▲ 4.16| 1343%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

2.9%

+/- YoY: ▼ 0.7%

DT thuần

2023

1,283

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 497| 63.2%

LN sau thuế

2023

15.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.89| 77.1%

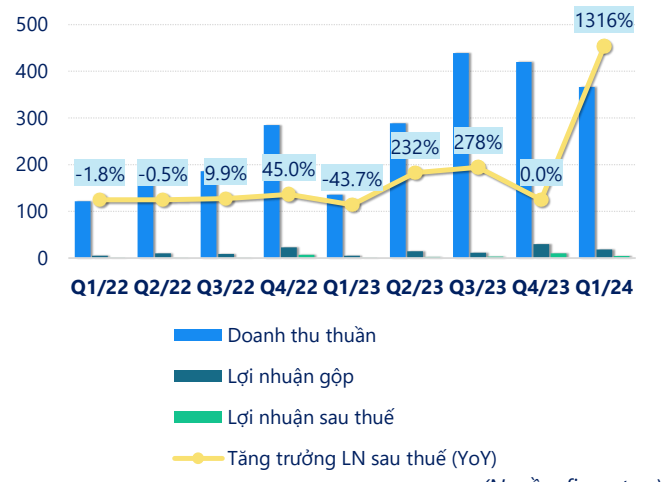
ROE

2023

11.5%

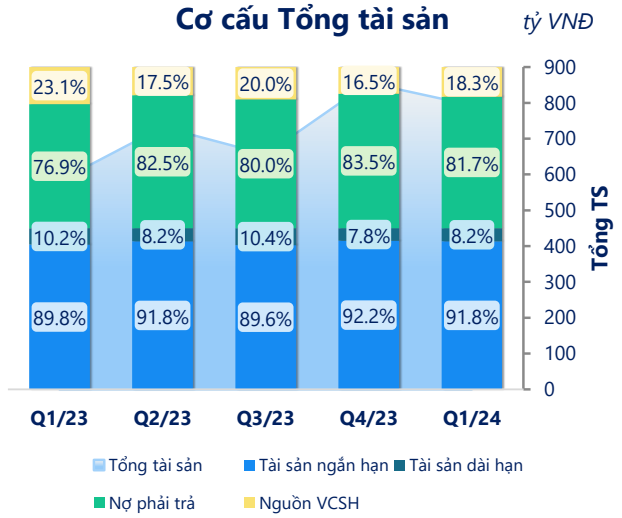
+/- YoY: ▲ 4.3%

Kết quả kinh doanh



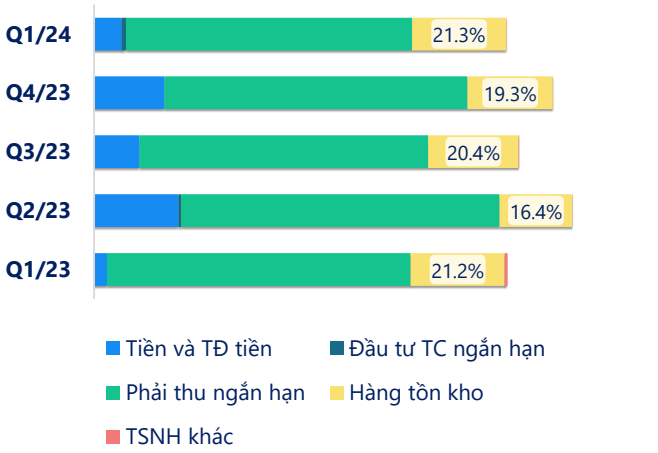
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



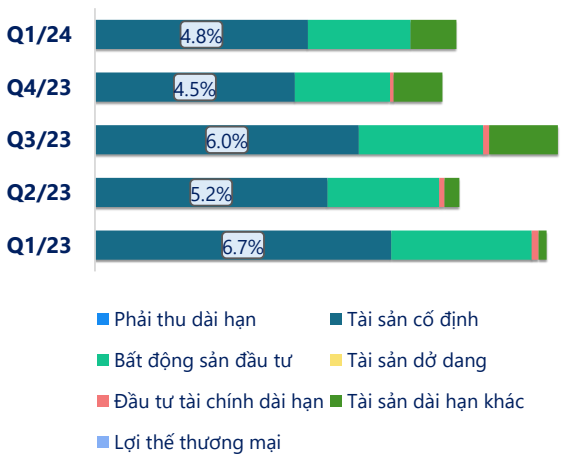
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



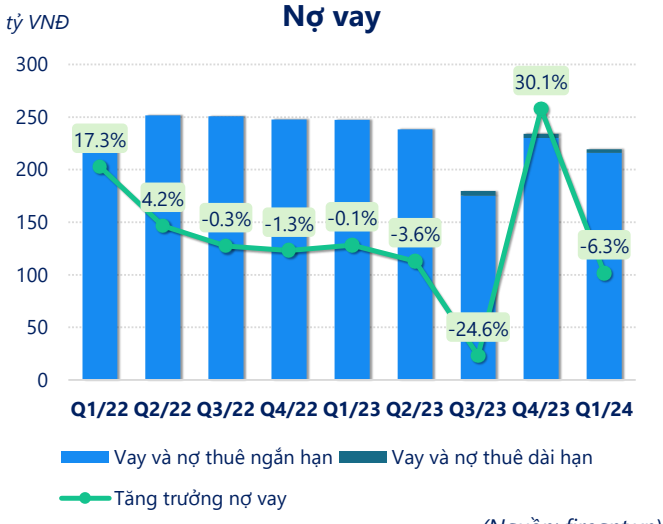
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



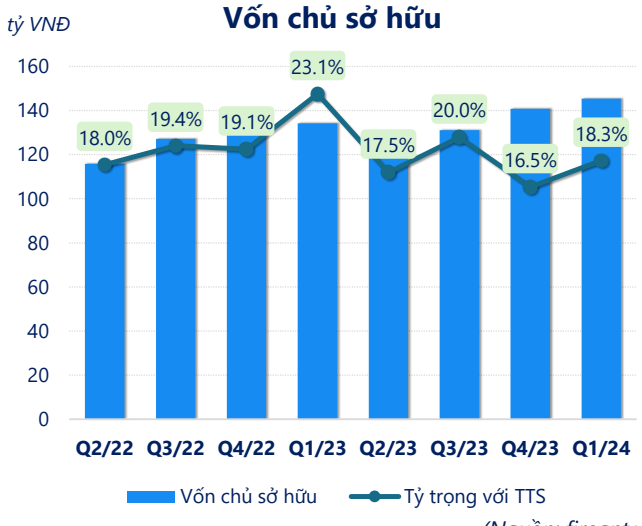
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



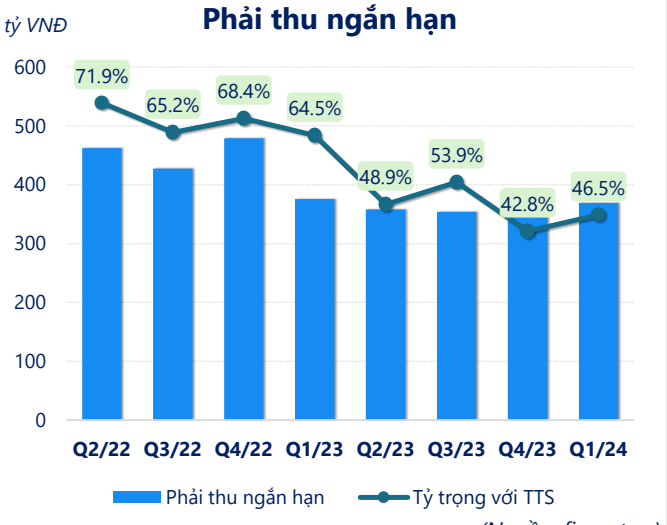
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



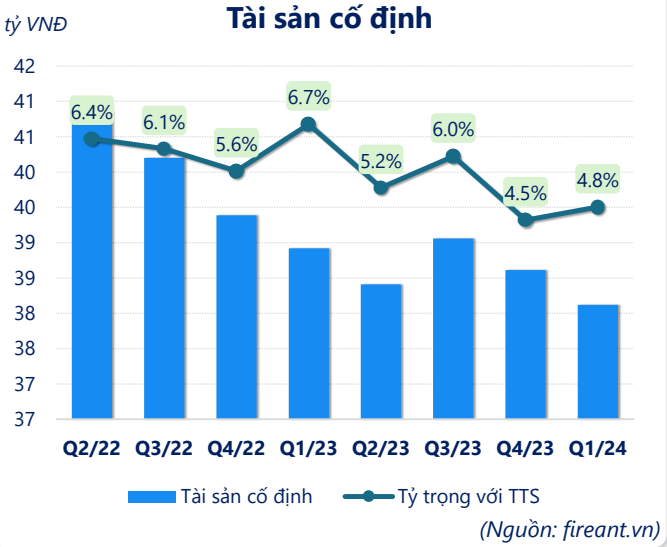
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



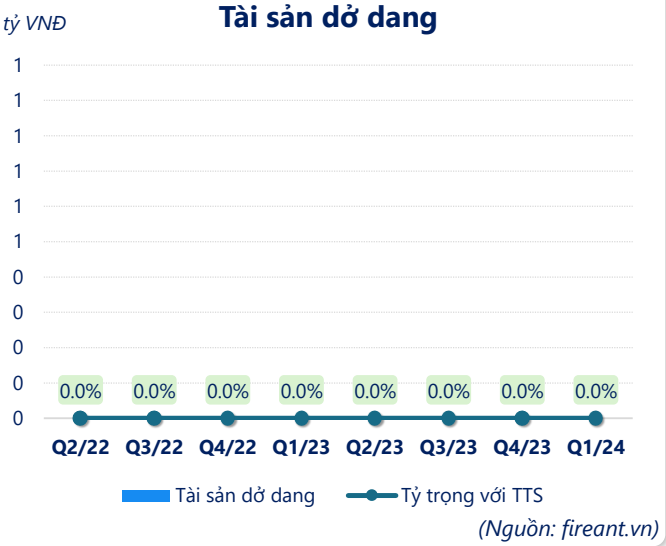
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



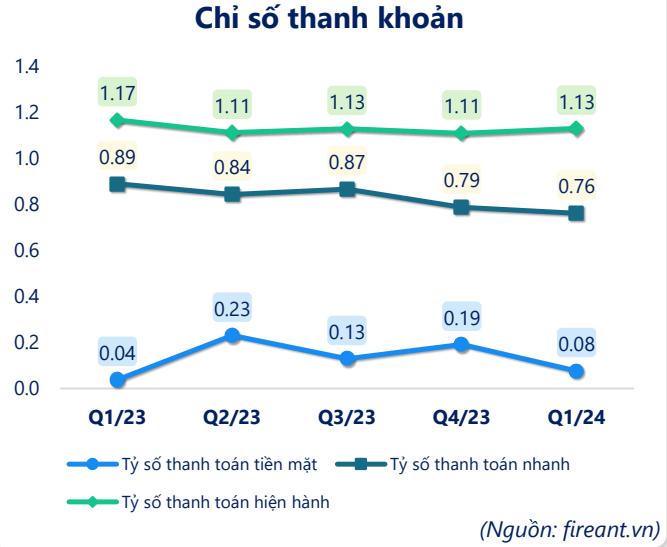
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



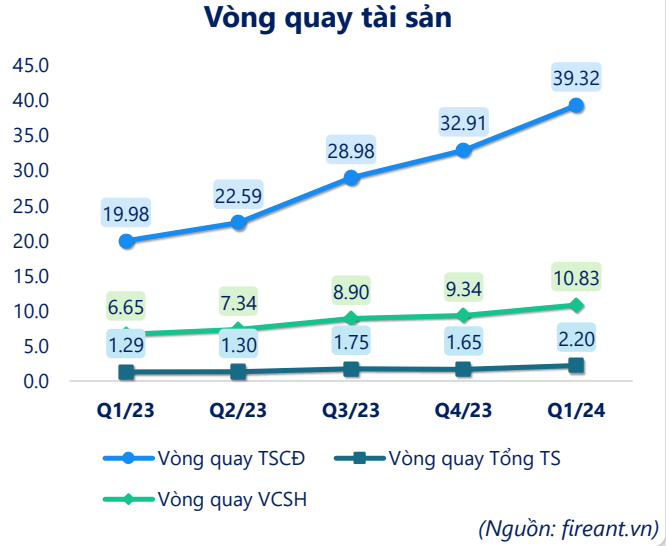
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**582**	**732**	**656**	**856**	**793**
Tài sản ngắn hạn	**523**	**672**	**588**	**789**	**728**
Tiền và tương đương tiền	17.1	139	67.1	136	49.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.00	10.2	10.2	15.1	15.1
Phải thu ngắn hạn	376	358	354	366	369
Hàng tồn kho	124	162	136	229	237
Tài sản ngắn hạn khác	0.21	2.29	20.2	42.6	57.3
Tài sản dài hạn	**59.4**	**60.2**	**68.5**	**67.1**	**64.7**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	38.9	38.4	39.1	38.6	38.1
Bất động sản đầu tư	18.5	18.5	18.4	18.4	18.4
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0.88	0.88	0.88	0.68	0
Tài sản dài hạn khác	1.08	2.47	10.2	9.39	8.20
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**448**	**604**	**525**	**715**	**648**
Nợ ngắn hạn	**448**	**604**	**521**	**711**	**644**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	247	238	175	230	216
Phải trả người bán ngắn hạn	150	211	190	360	245
Nợ dài hạn	0	0	4.54	3.91	3.28
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	4.54	3.91	3.28
Nguồn vốn chủ sở hữu	**134**	**128**	**131**	**141**	**145**
Vốn chủ sở hữu	**134**	**128**	**131**	**141**	**145**
Vốn điều lệ	88.0	88.0	88.0	88.0	88.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)